

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH GIA LAI
**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CCTTBVTV-BVTV&KDTV

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2024

V/v báo cáo tiến độ sản xuất
trồng trọt vụ Mùa 2024

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật nắm bắt, báo cáo tiến độ sản xuất trồng trọt định kỳ hàng tuần trên địa bàn tỉnh.

Qua tổng hợp số liệu của các địa phương, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật báo cáo tiến độ sản xuất trồng trọt vụ Mùa 2024, cụ thể:

Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh (tính đến ngày 23/7/2024) ước đạt 178.646,8 ha, đạt 82,2 % so với kế hoạch (KH 217.450 ha), đạt 93,6 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Diện tích cây hàng năm: 175.730,8 ha.
- Diện tích cây công nghiệp dài ngày: 1.779,2 ha.
- Diện tích cây ăn quả: 1.040 ha.
- Diện tích cây dược liệu: 96,8 ha.

(Có bảng chi tiết kèm theo)

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Phòng KH - TC Sở (p/h);
- Văn phòng Sở;
- Phòng Trồng trọt (p/h);
- Trang thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV&KDTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Ngô Duy Đông

(Kèm theo Văn bản số /CCTTBVTB-BVTB&KDTV ngày /7/2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)

(Kèm theo Văn bản số /CCTTBVTB-BVTB&KDTV ngày /7/2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số cung kỹ	% so với cùng kỹ	Tổng	Trong đó																
						Pleiku	An Khê	Ayun Pa	Kbang	Đak Đoa	Chư Pah	Ia Grai	Mang Yang	Kông Chro	Đức Cơ	Chư Prông	Chư Sê	Đak Pơ	Ia Pa	Krông Pa	Phú Thiện	Chư Pưh
3	Điều TM(TC)	Ha	95,5	16,9	16,1							7,0			9,1							
	Tr đó: TM	Ha			9,0							7,0			2,0							
	TC	Ha			7,1										7,1							
	Kế hoạch	Ha			505,0				15,0						5,0			485,0				
	% so KH	%			3,2										182,0			0,0				
4	Hồ tiêu TM (TC)	Ha	53,4	119,3	63,7					3,5		4,9	40,0		12,3							3,0
	Kế hoạch	Ha			25,0	0,0	0,0	0,0	5,0	0,6	0,0	0,3	0,0	0,0	5,1	0,0	12,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2,0
	% so KH	%			254,8					583,3					241,2							150,0
VII	Cây ăn quả	Ha	3.207,1	32,4	1.040,0	0,0	0,0	0,0	63,0	222,4	130,0	0,0	145,6	9,1	13,9	345,0	0,0	111,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Kế hoạch	Ha			2.950,0	2,0	215,0	50,0	765,0	5,0	144,8	410,0	200,6	123,0	70,1	238,1	240,0	94,2	250,3	35,0	35,0	71,9
	% so KH	%			35,3	0,0	0,0	0,0	8,2	4.448,0	89,8	0,0	72,6	7,4	19,8	144,9	0,0	117,8	0,0	0,0	0,0	0,0
	1	Xoài	Ha		0,5					0,5												
2	Chuối	Ha		109,8						1,0			20,0	1,0				87,8				
3	Thanh long	Ha		0,0																		
4	Dứa	Ha		6,5					6,5													
5	Sầu riêng	Ha		459,4					2,0		80,0		23,5		13,9	340,0						
6	Bơ	Ha		0,0																		
7	Cam	Ha		0,0																		
8	Mít	Ha		0,5														0,5				
9	Chanh dây	Ha		217,9					34,0	139,0			34,0					10,9				
10	Mãng cầu (na)	Ha		4,0														4,0				
11	Bưởi	Ha		0,3														0,3				
12	Chôm chôm	Ha		0,0																		
13	Nhãn	Ha		11,9									1,8	3,0		5,0		2,1				
14	Vải	Ha		0,0																		
15	Chanh	Ha		0,0																		
16	Dừa	Ha		5,3										1,0				4,3				
17	Đu đủ	Ha		3,6										3,6								
18	Vú sữa	Ha		0,0																		
19	Quýt	Ha		0,0																		
20	Ôi	Ha		1,1														1,1				
21	Táo	Ha		0,0																		
22	Mận	Ha		0,0																		
23	Mắc ca	Ha		151,2					20,0	14,4	50,0		66,3	0,5								
24	Cây ăn quả khác	Ha		68,0						68,0												
VIII	Cây được liệu TM	Ha	225,7	42,9	96,8	0,0	0,0	0,0	0,0	23,2	0,0	0,0	18,6	35,0	0,0	0,0	20,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Kế hoạch	Ha			545,0				5,0	1,5		74,6	60,0	2,0	1,6		204,0	0,8	164,6	0,0	0,0	30,9
	% so KH	%			17,8				0,0	1.546,7		0,0	31,0	1.750,0	0,0		9,8		0,0			0,0
1	Nghệ	Ha		5,0													5,0					
2	Đinh lăng	Ha		0,0																		
3	Sa nhân	Ha		0,0																		
4	Sả	Ha		3,0													3,0					
5	Sa Chi	Ha		0,0																		
6	Đương quy	Ha		0,0																		
7	Đảng sâm	Ha		0,0																		
8	Cà gai leo	Ha		0,0																		
9	Cát cánh	Ha		0,0																		
10	Gừng	Ha		43,6									17,6	14,0			12,0					
11	Cây được liệu khác	Ha			45,2					23,2			1,0	21,0								

Tính đến ngày 23/7/2024 toàn tỉnh gieo trồng được

178.647

ha cây trồng các loại đạt

82,2 % so với kế hoạch